

Số: 16/CT-TTG

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019

CHỈ THỊ

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020**

Năm 2020 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016 – 2020, cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tình hình quốc tế, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Ở trong nước, kế thừa những thành tựu của hơn 20 năm đổi mới, thế và lực của ta ngày càng lớn mạnh, sức chống chịu của nền kinh tế từng bước được cải thiện; tuy nhiên, chúng ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế tích tụ từ trước, quy mô kinh tế còn khiêm tốn, độ mở kinh tế lớn, nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục chịu tác động nhiều chiều từ bên ngoài. Yêu cầu đặt ra đối với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước (say đâu gọi tắt là các Bộ, ngành, địa phương) là cần theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, trong nước; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 và tình hình, kết quả thực hiện đến nay để xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; đồng thời duy trì sự tập trung cao độ, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

1. Về nguyên tắc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế 5 năm 2016-2020, Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; các chương trình hành động của Chính phủ và thực hiện Nghị quyết của Đảng và Quốc hội.

Việc triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, công khai, minh bạch, công bằng, có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

2. Về yêu cầu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

- Đánh giá sát, đúng thực chất tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 và ước thực hiện cả năm 2019; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh..., các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục nhằm thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong những tháng cuối năm.

- Tập trung theo dõi, dự báo kịp thời những diễn biến của tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và vùng lãnh thổ, chủ động, sẵn sàng các kịch bản ứng phó và đối sách phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

- Trên cơ sở kết quả đã đạt được các năm 2016-2018, ước thực hiện kết quả năm 2019 và dự báo tình hình trong nước và thế giới, các bộ, ngành và địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, có gắn với kế hoạch 5 năm 2016-2020.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng lực nội tại và tính tự chủ của nền kinh tế. Thực hiện hiệu quả, thực chất hơn các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thể chế và khơi thông nguồn lực; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; quyết liệt thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; đổi mới đồng bộ giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; phát triển bùng nổ thị trường trong nước; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm và các đô thị lớn; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu năm 2020 đạt tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,8. Phát triển kinh tế đi đôi với phát

triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020. Tăng cường công tác thông tin truyền thông hiệu quả, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy khát vọng, tự hào dân tộc và tinh thần đổi mới, sáng tạo, năng động, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tạo động lực mới cho phát triển đất nước.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

1. Điều hành đồng bộ các chính sách vĩ mô, phối hợp chặt chẽ, kết hợp hài hòa giữa các chính sách tiền tệ, tài khóa, đầu tư, thương mại; giá và các chính sách khác, thực hiện nhất quán mục tiêu xuyên suốt là duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi sát, phân tích, đánh giá kỹ tình hình, diễn biến trên thế giới, nhất là tình hình kinh tế để điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và yêu cầu quản lý; chú trọng diễn biến xung đột thương mại và động thái tài chính tiền tệ ở các nền kinh tế chủ chốt, để xây dựng kịch bản ứng phó và truyền thông hữu hiệu. Giữ ổn định thị trường ngoại tệ, thị trường vàng. Bảo đảm tăng trưởng tín dụng đi đôi với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất, nhất là các lĩnh vực ưu tiên; có giải pháp tín dụng vi mô phù hợp đáp ứng nhu cầu hợp pháp của người dân, hạn chế tín dụng đen. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng trong các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và cho vay bằng ngoại tệ; củng cố dự trữ ngoại hối nhà nước. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

- Điều hành chính sách tài khóa chặt chẽ, kỷ luật, kỷ cương. Tập trung chống thất thu, chuyên giá, trốn lậu thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; có chính sách nuôi dưỡng nguồn thu để phát triển. Điều hành chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, theo dự toán được giao.

- Tăng cường năng lực, chủ động phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến tình hình, điều hành hiệu quả để bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, nhất là về ngân sách nhà nước, đầu tư, thương mại, cán cân thanh toán, năng lượng,... Đảm bảo cung cầu hàng hóa thiết yếu, thực hiện hiệu quả các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường; điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý theo lộ trình và liều lượng phù hợp; không tăng giá đồng loạt nhiều hàng hóa, dịch vụ

trong cùng thời điểm, hạn chế điều chỉnh vào các tháng cuối năm để tránh tác động tới chỉ số giá tiêu dùng chung của cả nước và tăng lạm phát kỳ vọng.

2. **Đẩy mạnh cải cách thể chế và khơi thông các nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển**

a) Kiên định mục tiêu cải cách thể chế là đột phá quan trọng, cần được tiếp tục thực hiện với quyết tâm mạnh mẽ hơn nữa, thích ứng với tình hình mới, đặc biệt là trong bối cảnh thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng về khoa học và công nghệ. Trong công tác xây dựng pháp luật, cần xác định thứ tự ưu tiên các dự án Luật, Pháp lệnh đưa vào Chương trình; tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật.

b) **Khẩn trương ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công (sửa đổi) trong năm 2019 để có cơ sở triển khai thực hiện.** Tập trung hoàn thiện, trình Chính phủ đề báo cáo Quốc hội Dự án Luật sửa đổi Luật Đầu tư và Luật doanh nghiệp; Dự án Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) bảo đảm chất lượng, tiến độ.

c) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, pháp luật phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng. **Khẩn trương lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch để làm căn cứ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công cho giai đoạn tiếp theo.** Tập trung rà soát, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính, quy định pháp lý trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai,...; đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật, các trình tự, thủ tục còn chưa rõ ràng, chồng chéo trong phân cấp trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp, bảo đảm đồng bộ trong hệ thống pháp luật và khả thi, công khai, minh bạch. **Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao.** Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đảm bảo quy định thông suốt, đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế và giải quyết được những vấn đề vướng mắc, tạo điều kiện để khơi thông, huy động các nguồn lực vào phát triển đất nước, nhất là nguồn lực của khu vực tư nhân và dân cư. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách tạo thuận lợi nhất để đẩy nhanh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với hạ tầng thương mại; hạ tầng giáo dục, đào tạo; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao; hạ tầng thông tin và truyền thông;... và nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, bảo đảm chất lượng, có giá trị gia tăng

cao, lấy hiệu quả làm thước đo chủ yếu, quan trọng nhất, ưu tiên các dự án có công nghệ cao; công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, có tác động lan tỏa, kết nối chặt chẽ hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước.

d) Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra; tăng cường việc hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động; xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ hoạt động dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh triển khai tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học; có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học; thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao; thúc đẩy phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo ngang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên. Có chính sách phù hợp, hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực, trọng dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, thu hút, sử dụng hiệu quả đội ngũ các nhà khoa học, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Chú trọng công tác phân luồng, liên thông, kết nối đồng bộ giữa đào tạo với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

đ) Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu, rộng. Từng bước chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, ứng dụng công nghệ hiện đại, dựa vào đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước.

- Thúc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy chuyển dịch nội ngành theo hướng tăng nhanh hơn tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tập trung phát triển sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao để hình thành các ngành nghề, sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao; nâng cao sự đóng góp của khoa học và công nghệ vào các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh để tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Trong đó:

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới, nhằm tạo đột phá trong phát triển nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Ưu tiên thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm

2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu phù hợp với điều kiện vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng và nhu cầu thị trường; coi phát triển nông nghiệp hiệu quả cao là trọng tâm, ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường là khâu đột phá. Nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường cho sản phẩm từ khu vực nông thôn, thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế. Chủ động phòng, chống thiên tai, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được phê duyệt.

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng: Thực hiện chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành khai khoáng, tăng dần tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trên cơ sở tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến công nghệ, nâng cao trình độ sản xuất, giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên, nhiên liệu đầu vào, tăng dần tỷ lệ nội địa hóa và tham gia sâu hơn vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Nghiên cứu, triển khai các giải pháp nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, giảm dần tỷ lệ gia công, lắp ráp; khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia các chương trình đổi mới công nghệ; thực hiện các giải pháp mở rộng thị trường và tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

+ Khu vực dịch vụ: Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tổ chức lại, phát triển bứt phá thị trường trong nước gắn với bảo đảm cân đối cung cầu, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu. Ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao như dịch vụ giáo dục, đào tạo; dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; tài chính, ngân hàng; hàng hải, logistics; dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không... Phát triển mạnh mẽ và bền vững du lịch, góp phần lan tỏa tới nhiều ngành sản xuất, dịch vụ thị trường phát triển, trong đó chú trọng hoạt động quảng bá, xúc tiến và liên kết du lịch, đẩy mạnh vận động tranh thủ viện trợ và tham gia xúc tiến, quảng bá về du lịch Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận. Thực hiện cơ cấu lại ngành vận tải, chú trọng kết nối các phương thức vận tải, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, điều hành, giảm chi phí logistics,...

+ Chú trọng phát triển bền vững nguồn hàng xuất khẩu, vận dụng phù hợp pháp luật trong nước và các quy định, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO để bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp và người dân trong nước. Tận dụng tối đa các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đem lại, trong đó có Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại 3 lĩnh vực trọng tâm là cơ cấu lại đầu tư công, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống.

- Cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nâng dần tỷ trọng thu nội địa, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư, bảo đảm chi trả nợ, chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh; kiểm soát bội chi, nợ công theo mục tiêu đề ra.

- Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, rà soát, cắt giảm thực chất các điều kiện kinh doanh không thực sự cần thiết; cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm thực chất danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành, tập trung một đầu mối duy nhất thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với một sản phẩm, hàng hóa.

- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ, ngành và địa phương, kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia; tập trung nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho doanh nghiệp, nhất là những dịch vụ có số lượng hồ sơ phát sinh lớn.

- Triển khai tích cực, có hiệu quả Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Tạo cơ chế chính sách thuận lợi phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã; thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế quy mô lớn, tiềm lực mạnh, hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Chỉ đạo quyết liệt đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, luật pháp thúc đẩy liên kết vùng theo hướng bền vững, phát triển đô thị, phát huy vai trò đầu tàu của các cực tăng trưởng, các vùng lãnh thổ mang tính động lực, tạo tác động lan tỏa, đồng thời có giải pháp đồng bộ với lộ trình bài bản để từng bước giảm dần chênh lệch về mức sống và mức độ thụ hưởng của người dân giữa các vùng và giữa các địa phương trong vùng.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các loại thị trường, trong đó có thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, thị trường quyền sử dụng đất, thị trường lao động và thị trường khoa học công nghệ.

e) Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Tiếp tục xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, trong đó có các doanh nghiệp quy mô lớn, nguồn lực mạnh. Tiếp tục thúc đẩy phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia. Phát huy các nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi

nghiệp, chuyển giao công nghệ. Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; đưa Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia vào hoạt động, góp phần hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp sáng tạo. Xây dựng chính sách khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp; phát triển mạnh hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới phù hợp với xu hướng thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Hỗ trợ, tạo sự liên kết với cộng đồng khởi nghiệp trong khu vực và quốc tế, đưa khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp trở thành một đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Đẩy mạnh áp dụng đấu thầu qua mạng, đảm bảo tỷ lệ đấu thầu qua mạng theo hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu. Tạo cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu sản phẩm có tính đổi mới sáng tạo khi tham gia đấu thầu mua sắm công.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Tạo lập các điều kiện cần thiết để phục vụ thực thi pháp luật của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, phòng chống rủi ro pháp lý, tăng cường năng lực cạnh tranh.

3. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực: văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Rà soát và giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm.

- Hoàn thiện chính sách giảm nghèo theo hướng khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ động, tích cực tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ hội phát triển sản xuất, kinh doanh để vươn lên thoát nghèo; có biện pháp ngăn chặn, xử lý nghiêm việc trục lợi chính sách. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Rà soát, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, bền vững. Tổng kết, nghiên cứu tích hợp hệ thống chính sách hiện hành cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi; tập trung chỉ đạo và bảo đảm nguồn lực, khắc phục phân

tán, chông chéo, kém hiệu quả; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan và thu gọn đầu mối quản lý.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả, bền vững, không bao cấp tràn lan. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ; làm tốt công tác bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội. Tích cực triển khai Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội.

- Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, phát triển nhà ở xã hội. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, giải pháp để thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị, nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nhà cho thuê, nhà ở cho người có thu nhập thấp; kiểm soát chặt chẽ việc quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành để phát triển nhà ở xã hội. Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về vốn, cơ chế chính sách, nhất là nguồn vốn cho chương trình hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và phát triển nhà ở xã hội; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong việc thực hiện các chương trình về nhà ở.

- Tích cực triển khai các Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số. Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2018 phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Chủ động phòng chống dịch bệnh, tăng cường các hoạt động nâng cao sức khỏe, đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm bệnh tật. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm quá tải bệnh viện, tăng sự hài lòng của người dân. Tiếp tục duy trì mức sinh thay thế, đẩy mạnh các giải pháp để bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số. Đổi mới đào tạo nhân lực y tế. Thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển, tăng cường cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển công nghiệp dược, y học cổ truyền. Tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; quản lý phòng khám tư nhân; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm vi phạm.

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tổ chức biên soạn, thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông và chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục và

đào tạo, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập trong dạy và học, thi cử; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Tiếp tục rà soát, xử lý hiệu quả vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Thực hiện các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách.

- Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa dân tộc, dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hoá; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; từng bước cải thiện, nâng cao giá trị đạo đức xã hội. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các vấn đề văn hóa,... để chống phá chế độ. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục xây dựng và gìn giữ văn hóa trong nhân dân. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp; chú trọng phát triển thể dục thể thao cơ sở.

- Tập trung nghiên cứu các giải pháp gắn kết với lộ trình thực hiện phù hợp trong từng ngành, lĩnh vực nhằm ngăn chặn, khắc phục hiệu quả những tồn tại, hạn chế gây bức xúc xã hội. Tiếp tục tăng cường các biện pháp bảo đảm vệ sinh trong khuôn viên bệnh viện, trường, lớp học, khu du lịch và các không gian công cộng.

4. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ khung khổ cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; kiểm soát chặt chẽ cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và các nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Kiểm soát chặt chẽ môi trường tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề và việc nhập khẩu phế liệu. Tăng cường điều phối, giám sát, giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên (nhất là tài nguyên nước), bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Có biện pháp phù hợp để tích tụ, tập trung đất đai phục vụ thu hút đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, đặc biệt là hạn hán, xâm nhập mặn; nâng cao chất lượng dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai. Triển khai hiệu quả, kịp thời các giải pháp phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kịp thời, ứng phó, khắc phục hiệu quả các sự

cổ, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, di dời dân cư khỏi vùng thiên tai, sạt lở đất, lũ quét, ổn định đời sống dân cư; phòng, chống sạt lở bờ sông, suối, ven biển, kè sông, kè suối biên giới ở những vị trí xung yếu.

5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện nghiêm việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng "tham nhũng vặt", những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực và trên toàn xã hội; trước hết là trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; tích cực hoàn thiện khung khổ pháp lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW. Nâng cao Chỉ số về Chính phủ điện tử với ba nhóm chỉ số thành phần về dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực. Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử gắn với việc tổ chức thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.

Đẩy mạnh cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường

quản lý nhà nước kết hợp với phát huy vai trò tự quản của các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, bảo đảm hoạt động của các tổ chức này nề nếp, theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp. Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự.

7. Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển

Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đẩy mạnh đối ngoại và quốc phòng, an ninh, duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng, an ninh mạng, các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn, hội nghị, các mục tiêu trọng điểm về an ninh quốc gia. Tạo chuyển biến tích cực, rõ nét về trật tự, an toàn xã hội; từng bước đẩy lùi, làm giảm các điều kiện nảy sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; tập trung đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự liên quan đến "tín dụng đen", cho vay lãi nặng, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao...; giảm thiểu tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ.

Tiếp tục đưa quan hệ với các đối tác quan trọng, các nước láng giềng và bạn bè truyền thống đi vào chiều sâu thực chất, hiệu quả. Chủ động hội nhập quốc tế, chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương. Đảm nhận và thực hiện tốt vai trò của Việt Nam ở vị trí Chủ tịch ASEAN năm 2020; tích cực vận động để đảm nhận vai trò Ủy viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021. Tích cực tham gia, đóng góp có trách nhiệm và nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam trong các tổ chức, diễn đàn đa phương, như: WTO, APEC, ASEM, G20, hợp tác khu vực và tiểu vùng Mê Công,... Tiếp tục đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tập trung tăng cường hỗ trợ địa phương và doanh nghiệp mở rộng và đa dạng hóa thị trường, thu hút các nguồn vốn, công nghệ và du lịch. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu, dự báo, cảnh báo về kinh tế thế giới, khu vực. Triển khai đồng bộ công tác ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại. Tiếp tục chú trọng và phát huy tiềm năng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong công tác bảo hộ công dân. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, ngừa, giảm thiểu các tranh chấp đầu tư quốc tế, nhất là trong quản lý nhà nước về đầu tư và giải quyết khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài; nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân.

8. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy niềm tin và khát vọng của dân tộc. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả, khơi dậy tinh thần nỗ lực, phấn đấu, năng động, sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào mọi mặt của đời sống xã hội nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội từ những thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học và công nghệ và Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Chú trọng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Đa dạng hóa hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật. Đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, thông tin xấu, độc, lợi dụng mạng xã hội chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đối với dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát tình hình thu ngân sách nhà nước các năm 2016-2018 và ước thực hiện năm 2019; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước, đặc biệt là những nhân tố tác động làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2020; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyên giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

Phần đầu tỷ lệ huy động từ thuế, phí vào ngân sách nhà nước năm 2020 đạt khoảng 19-20% GDP. Dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức và lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) năm 2020 bình quân chung cả nước tăng tối thiểu 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2019. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2019.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

b) Dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết số 25/2016/QH14, số 26/2016/QH14, số 71/2018/QH14 của Quốc hội, gắn với việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII); tiếp tục quán triệt yêu cầu công khai, minh bạch và thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2020. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2020, các bộ, ngành và địa phương cần chú ý các nội dung sau:

(1) Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm

2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết của Quốc hội.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; bám sát các mục tiêu Nghị quyết số 26/2016/QH14, Nghị quyết số 71/2018/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2020; rà soát, đánh giá lại kế hoạch đầu tư công trung hạn, kiến nghị điều chỉnh trong phạm vi tổng mức kế hoạch đã được phê duyệt cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Năm 2020 là năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 do đó bố trí đủ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán, vốn cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2020; ưu tiên bố trí vốn thu hồi vốn ứng trước, đầu tư cho các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển; các dự án quốc phòng – an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo; không bố trí vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân. Việc bố trí vốn nước ngoài phải phù hợp với tiến độ giải ngân từ nhà tài trợ, bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định vay trong năm 2020. Việc quản lý, sử dụng 10% dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo đúng Nghị quyết của Quốc hội.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các Bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

(2) Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ

Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ những thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học và công nghệ.

Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (Khóa XII) và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021, kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của từng lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài,... Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đồng thời dành nguồn để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

Đẩy mạnh sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cơ chế tài chính đặc thù đối với cơ quan, đơn vị trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

(3) Chi dự trữ quốc gia:

Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020, mục tiêu của dự trữ quốc gia, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, dự báo yêu cầu cứu trợ, viện trợ; các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho năm 2020, tập trung vào các mặt hàng chiến lược, thiết yếu; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

(4) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được giao, mức vốn đã bố trí các năm 2016-2019 và khả năng thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với

mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020; đồng thời, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

(5) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo đúng trình tự, quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Luật đầu tư công, Luật quản lý nợ công, Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành. Rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả. Bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và trong phạm vi hạn mức vốn nước ngoài trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được giao. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án sử dụng vốn ngoài nước phải chi tiết rõ vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, phân định rõ dự án cấp phát hoặc vay lại hoặc hỗn hợp (cấp phát, vay lại) và chi tiết mức vốn cho từng phần. Đối với các dự án Ô, cần làm rõ kế hoạch giữa cơ quan chủ quản trung ương và cơ quan chủ quản dự án thành phần tham gia thực hiện dự án.

(6) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: nguồn tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;...); nguồn dành ra do triển khai thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XII (đối với các địa phương).

(7) Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

(8) Các bộ, ngành trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2019 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2020 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

c) Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm a, b mục III.1 của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2020 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

(1) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn; không dành dư địa để địa phương giao thu ở mức cao hơn; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

(2) Dự toán chi ngân sách địa phương:

Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có) trong thời kỳ ổn định ngân sách; trên cơ sở mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2020; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2018, ước thực hiện năm 2019, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ của trung ương sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020).

(3) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế công lập, chương trình xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

(4) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2020; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

Đối với các địa phương có mức dư nợ huy động vượt mức giới hạn dư nợ vay, phải dành nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, giảm kế hoạch chi đầu tư công trung hạn để bố trí tăng chi trả nợ gốc, bảo đảm mức dư nợ vay không vượt quá mức dư nợ vay của địa phương theo quy định.

2. Đối với Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022

Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; dự kiến về các định hướng chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các định hướng chiến lược, kế hoạch về tài chính - ngân sách kỳ kế hoạch tới; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội...; giả định tiếp tục các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Bộ Tài chính, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn; các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, các địa phương xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm 2020-2022 về thu ngân sách; mức bội thu/bội chi của ngân sách địa phương; dự kiến tổng chi ngân sách địa phương, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên phân cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2020-2022 phù hợp với khả năng cân đối thu.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định: số 77/2015/NĐ-CP, số 136/2015/NĐ-CP và số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có hiệu lực (nếu có) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

- Đối với kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (bao gồm trái phiếu Chính phủ): thực hiện theo quy định tại điểm b, mục III.1 nêu trên về chi đầu tư phát triển.

- Đối với kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, tổng hợp, giao và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước tại địa chỉ: <https://dautucong.mpi.gov.vn>.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

Các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cấp chính quyền địa phương hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022, của cấp mình theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định biên chế năm 2020 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan cùng cấp ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2020 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2020.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc